

# ẢNH HƯỞNG CỦA VIỆC TIẾP CẬN THÔNG TIN VỀ ĐẠI DỊCH COVID-19 TRÊN FACEBOOK ĐẾN MỨC ĐỘ STRESS CỦA SINH VIÊN

Nguyễn Tấn Khang<sup>1</sup>

Nguyễn Văn Tường<sup>2</sup>

Nguyễn Hoàng Anh Thu<sup>1</sup>

Đặng Thị Mai Ly<sup>2</sup>

<sup>1</sup>Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, <sup>2</sup>Trường Đại học Kinh tế - Tài Chính Thành phố Hồ Chí Minh.

## TÓM TẮT

Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu chính là điều tra bằng bảng hỏi và xử lý số liệu thống kê bằng phần mềm SPSS 20.0 để hồi cứu ảnh hưởng của việc tiếp cận thông tin liên quan đến đại dịch COVID-19 trên mạng xã hội Facebook đến mức độ stress của sinh viên trong giai đoạn giãn cách xã hội kéo dài tại Thành phố Hồ Chí Minh (từ tháng 5/2021 đến tháng 10/2021). Nghiên cứu trường hợp tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh cho thấy, sinh viên tự đánh giá về thực trạng mức độ stress của bản thân trong giai đoạn giãn cách xã hội vì đại dịch COVID-19 phần lớn là ở mức không stress chiếm 73,3%; mức độ nặng và rất nặng là 4,8%. Mức độ tiếp cận thông tin liên quan đến đại dịch COVID-19 trên mạng xã hội Facebook là ở mức “thường xuyên”. Kết quả cũng cho thấy cả 2 nhóm thông tin: thời sự xã hội mở và hỗ trợ quản lý của Nhà nước đều có tương quan thuận chiều với mức độ stress của sinh viên với hệ số tương quan  $r$  tương đối chặt chẽ (lần lượt là 0,542\*\* và 0,388\*\*) và có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa các đối tượng liên quan đến COVID-19 (F0; F1; Khác) ở mức độ stress nhưng không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa các nhóm sinh viên có giới tính và thời gian sử dụng Facebook trong một ngày khác nhau.

**Từ khóa:** Tiếp cận thông tin; COVID-19; Mạng xã hội Facebook; Stress; Sinh viên.

Ngày nhận bài: 16/8/2022; Ngày duyệt đăng bài: 25/8/2022.

## 1. Đặt vấn đề

“Các thông tin thời sự xã hội mở trên mạng xã hội nói chung, đặc biệt là Facebook nói riêng, có thể được xem là một kênh thông tin mở của cộng đồng. Trên Facebook, cộng đồng mạng đã hình thành thói quen chia sẻ cho nhau

những thông tin từ báo chí, từ các trang mạng xã hội khác mà họ quan tâm” (Phạm Huy Kỳ, Đỗ Thị Thu Hằng và cộng sự, 2019, tr. 90). Đồng thời, “mạng xã hội nói chung và Facebook nói riêng được nhiều tổ chức chính trị xã hội, các sở, ban, nhiều cá nhân trong hệ thống chính trị, thậm chí Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã sử dụng như một công cụ truyền đạt thông tin, nâng cao vị thế, hình ảnh của mình” (Phạm Huy Kỳ, Đỗ Thị Thu Hằng và cộng sự, 2019, tr. 92). Do đó, các thông tin liên quan đến COVID-19 như số ca nhiễm/khỏi bệnh hằng ngày; các chỉ thị của Chính phủ, Bộ Y tế... được phân chia thành 18 loại thông tin và chia thành 2 nhóm: nhóm thông tin thời sự xã hội mở và nhóm thông tin hỗ trợ quản lý của Nhà nước.

Nhiều nghiên cứu cho thấy được có sự tác động của việc sử dụng mạng xã hội hoặc tiếp cận thông tin trên mạng xã hội đến sức khỏe tâm thần của nhiều đối tượng khác nhau, trong đó có học sinh, sinh viên (Xuefang Xiea và cộng sự, 2020; Souvik Dubey và cộng sự, 2020; Wei Hong, Ru-De Liu và cộng sự, 2021; Araz Ramazan Ahmad và cộng sự, 2020; Hongfei Liu và cộng sự, 2021; Debanjan Banerjee và Sathyanarayana Rao, 2020; Lê Hoàng Việt Lâm và Nguyễn Phước Thạnh, 2020; Nguyễn Thanh Thảo và cộng sự, 2021). Nghiên cứu này tìm hiểu ảnh hưởng của việc tiếp cận thông tin về đại dịch COVID-19 trên Facebook đến mức độ stress của sinh viên.

## **2. Tổ chức và phương pháp nghiên cứu**

### **2.1. Tổ chức nghiên cứu**

\* Tổ chức nghiên cứu: Khảo sát được thực hiện từ tháng 1 năm 2022 đến tháng 6 năm 2022 để hồi cứu thực trạng tiếp cận các thông tin trên mạng xã hội Facebook và mức độ stress của sinh viên trong giai đoạn giãn cách xã hội kéo dài ở Thành phố Hồ Chí Minh từ tháng 5/2021 đến tháng 10/2021.

\* Mẫu và địa bàn nghiên cứu: Mẫu khảo sát chính thức của nghiên cứu này là 506 sinh viên hệ chính quy Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh. Trong đó bao gồm: 117 sinh viên nam (23,1%); 389 sinh viên nữ (76,9%); 50 sinh viên năm thứ tư (9,9%); 25 sinh viên năm thứ ba (4,9%); 114 sinh viên năm thứ hai (22,5%); 317 sinh viên năm thứ nhất (62,6%); 38 sinh viên sử dụng Facebook dưới 2 giờ một ngày (7,5%); 108 sinh viên sử dụng Facebook từ 2 giờ đến dưới 4 giờ một ngày (21,3%); 137 sinh viên sử dụng Facebook từ 4 giờ đến dưới 6 giờ một ngày (27,1%); 114 sinh viên sử dụng Facebook từ 6 giờ đến dưới 8 giờ một ngày (22,5%); 109 sinh viên sử dụng Facebook trên 8 giờ một ngày (21,5%). Liên quan đến nhiễm COVID-19 có 67 sinh viên là F0 (13,2%); 105

sinh viên là F1 (20,8%); 43 sinh viên là F2 (8,5%); 44 sinh viên là F3 (8,7%); 247 sinh viên thuộc các nhóm khác (48,8%).

## **2.2. Phương pháp nghiên cứu**

Nghiên cứu này sử dụng một số phương pháp nghiên cứu bao gồm: nghiên cứu tài liệu; điều tra bằng bảng hỏi; trắc nghiệm tâm lý và phương pháp xử lý số liệu bằng thống kê toán học. Bảng hỏi được sử dụng trong nghiên cứu gồm 3 phần chính: Phần 1 là các thông tin về nhân khẩu; Phần 2 là thang đo mức độ tiếp cận thông tin liên quan đến COVID-19 trên mạng xã hội Facebook; Phần 3 là thang đánh giá mức độ Trầm cảm, Lo âu và Stress (thang DASS-21) của Livibond (1995) rút gọn từ DASS-42. DASS-21 đã được dịch sang tiếng Việt và đánh giá giá trị, hiệu lực trên 221 phụ nữ, được ứng dụng ở nhiều nghiên cứu ở trẻ vị thành niên và người trưởng thành theo nghiên cứu của Tran, Tran, Fisher (2013). Trong nghiên cứu này, chúng tôi chỉ tìm hiểu ảnh hưởng của việc tiếp cận thông tin liên quan đến COVID-19 trên Facebook đến mức độ stress của sinh viên.

### **2.2.1. Cách tính điểm và đánh giá**

Thang đo Mức độ tiếp cận thông tin liên quan đến COVID-19 trên mạng xã hội Facebook có 5 phương án lựa chọn cho mỗi mệnh đề (item), trong đó, 1- Không bao giờ; 2- Hiếm khi; 3- thỉnh thoảng; 4- Thường xuyên và 5- Rất thường xuyên. Giá trị khoảng cách giữa các mức độ = (giá trị lớn nhất - giá trị nhỏ nhất)/số lượng các mức độ =  $(5-1)/5 = 0,8$ . Do đó, các mức độ tiếp cận thông tin được phân chia như sau: 1,00 đến 1,80: Không bao giờ; 1,81 đến 2,60: Hiếm khi; 2,61 đến 3,40: Thỉnh thoảng; 3,41 đến 4,20: Thường xuyên; 4,21 đến 5,00: Rất thường xuyên. Điểm trung bình (M) càng cao thì mức độ tiếp cận thông tin liên quan đến COVID-19 trên mạng xã hội Facebook của sinh viên càng thường xuyên.

Ở thang DASS-21, nội dung bài trắc nghiệm tâm lý của Livibond (1995) rút gọn từ DASS-42 gồm 21 câu chia thành 3 nhóm: Stress - Lo âu - Trầm cảm (mỗi nhóm 7 câu). Thang điểm đánh giá được chia thành 4 mức độ, trong đó: 0- Không đúng với tôi chút nào cả; 1- Đúng với tôi phần nào hoặc thỉnh thoảng mới đúng; 2- Đúng với tôi phần nhiều hoặc phần lớn thời gian là đúng; 3- Hoàn toàn đúng với tôi hoặc hầu hết thời gian là đúng. Điểm của Trầm cảm, Lo âu và Stress được tính bằng cách cộng điểm các đề mục thành phần rồi nhân hệ số 2 và chia làm 5 mức độ: 1- Bình thường; 2- Nhẹ; 3- Vừa; 4- Nặng và 5- Rất nặng. Trong nghiên cứu này, chúng tôi chỉ đề cập đến thực trạng mức độ stress được đánh giá theo thang DASS-21 với 5 mức độ đánh giá cụ thể như sau:

**Bảng 1: Các mức độ stress được đánh giá theo thang DASS-21**

Mức độ stress	Mức điểm
Bình thường	0 - 14
Nhẹ	15 - 18
Vừa	19 - 25
Nặng	26 - 33
Rất nặng	$\geq 34$

### 2.2.2. Kết quả phân tích độ tin cậy và độ hiệu lực các thang đo

Để đánh giá độ tin cậy và độ hiệu lực bên trong của thang đo Mức độ tiếp cận thông tin liên quan đến COVID-19 trên Facebook của sinh viên Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, chúng tôi tiến hành kiểm định hệ số Alpha của Cronbach và phân tích nhân tố khám phá (EFA). Kết quả kiểm định độ tin cậy cho thấy thang đo có đủ điều kiện về độ tin cậy, trong đó, nhóm thông tin thời sự xã hội mở với 10 item có hệ số Alpha của Cronbach là 0,93, tương quan biến tổng biến thiên từ 0,64 đến 0,79; nhóm thông tin hỗ trợ quản lý Nhà nước với 8 item có hệ số Alpha của Cronbach là 0,94, tương quan biến tổng biến thiên từ 0,70 đến 0,84. Kết quả phân tích nhân tố khám phá của thang đo này cũng cho thấy: hệ số KMO = 0,93; kiểm định Bartlett có Sig. < 0,01; tại Eigenvalues = 3,51 (> 1) rút trích được 2 nhân tố từ 18 biến quan sát với tổng phương sai trích được là 66,5%; hệ số tải nhân tố các biến quan sát biến thiên từ 0,70 đến 0,87 và không có nhân tố mới nào được hình thành so với khung lý thuyết nghiên cứu đề xuất ban đầu.

Kiểm định độ tin cậy và phân tích nhân tố khám phá thang DASS-21 cũng cho kết quả phù hợp, cụ thể như sau: hệ số Alpha của Cronbach của tiểu thang Stress là 0,89; tương quan biến tổng biến thiên từ 0,61 đến 0,77 cho thấy đủ độ tin cậy. Kết quả phân tích EFA của thang đo này cũng cho thấy hệ số KMO = 0,95; kiểm định Bartlett có Sig. < 0,001; tại Eigenvalues = 1,62 (> 1) rút trích được 3 nhân tố từ 21 biến quan sát với tổng phương sai trích là 61,9%; hệ số tải nhân tố biến thiên từ 0,56 đến 0,81 và không có nhân tố mới nào được hình thành.

## 3. Kết quả nghiên cứu

### 3.1. Thực trạng stress của sinh viên Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh trong giai đoạn giãn cách xã hội vì đại dịch COVID-19

Kết quả khảo sát 506 sinh viên Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về thực trạng mức độ

stress trong giai đoạn giãn cách xã hội vì đại dịch COVID-19 cho thấy có 371 sinh viên tham gia khảo sát không gặp vấn đề về stress (chiếm 73,3%); 60 sinh viên có dấu hiệu về stress ở mức độ vừa (chiếm 11,8%); mức độ nhẹ có 51 sinh viên (chiếm 10,1%); mức độ nặng có 14 sinh viên (chiếm 2,8%) và 10 sinh viên có dấu hiệu về stress ở mức rất nặng (chiếm 2%).

**Bảng 2:** *Thực trạng stress của sinh viên trong giai đoạn giãn cách xã hội vì đại dịch COVID-19*

Dấu hiệu	Stress		
	Mức điểm	Số lượng	Tỷ lệ %
Bình thường	0 - 14	371	73,3
Nhẹ	15 - 18	51	10,1
Vừa	19 - 25	60	11,8
Nặng	26 - 33	14	2,8
Rất nặng	≥ 34	10	2,0
<b>Tổng</b>		<b>506</b>	<b>100,0</b>

Điều này cho thấy trong lần bùng dịch thứ 4 này tại Việt Nam, đặc biệt là ở Thành phố Hồ Chí Minh (bắt đầu từ cuối tháng 4/2021), đa số sinh viên tham gia vào khảo sát đã tự đánh giá mình không gặp các vấn đề liên quan đến stress, tỷ lệ sinh viên tự đánh giá mình có các vấn đề liên quan stress từ mức độ nhẹ đến rất nặng là 26,7%. Vì chưa có kết quả khảo sát mức độ stress của sinh viên ở các giai đoạn bùng dịch trước đó, nên chúng tôi chưa so sánh được sự thay đổi về mức độ stress của sinh viên giữa các giai đoạn bùng dịch khác nhau. Kết quả khảo sát này có thể cho thấy, đa số sinh viên tham gia đã không bị căng thẳng trước những ảnh hưởng của lần bùng dịch thứ 4 tại Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, vẫn còn một tỷ lệ không nhỏ sinh viên đã gặp các vấn đề liên quan đến stress (135 sinh viên trên tổng số 506 sinh viên được khảo sát). Có rất nhiều yếu tố khác nhau ảnh hưởng đến mức độ stress của sinh viên trong giai đoạn Thành phố Hồ Chí Minh giãn cách xã hội kéo dài. Nếu tìm hiểu được mức độ ảnh hưởng của một số yếu tố cụ thể nào đó, có thể đưa ra những khuyến nghị giúp sinh viên chủ động ứng phó, giảm thiểu áp lực trước tác động của dịch bệnh.

### **3.2. Sự khác biệt về mức độ stress của sinh viên xét theo giới tính, thời gian sử dụng Facebook và loại đối tượng liên quan đến COVID-19 của sinh viên**

Kết quả dữ liệu bảng 3 cho thấy sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về mức độ stress của sinh viên giữa các nhóm đối tượng liên quan đến COVID-19 ( $p < 0,01$ ). Với giá trị  $p$  lần lượt là  $p = 0,04$  và  $p < 0,01$  cho thấy có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về mức độ stress giữa nhóm sinh viên thuộc đối tượng F0 và F1

với nhóm sinh viên thuộc đối tượng “Khác” - nhóm sinh viên chưa được xác định là F0, F1, F2, F3. Cụ thể: nhóm sinh viên thuộc đối tượng F0 và F1 lần lượt có điểm trung bình và độ lệch chuẩn (SD) (với  $M_{F0} = 1,04$ ;  $SD_{F0} = 0,86$  và  $M_{F1} = 1,17$ ;  $SD_{F1} = 0,77$ ) cao hơn so với nhóm sinh viên thuộc đối tượng “Khác” ( $M = 0,83$ ;  $SD = 0,68$ ). Tức là mức độ stress khi tiếp cận thông tin liên quan đến COVID-19 trên mạng xã hội Facebook của nhóm sinh viên thuộc đối tượng F0 và F1 cao hơn nhóm đối tượng “Khác”.

**Bảng 3:** Sự khác biệt mức độ stress của sinh viên xét theo các đặc điểm nhân khẩu

STT	Đặc điểm khách thể		M	SD	F	Mức ý nghĩa
1	Giới tính	Nam	1,02	0,76	1,59	0,377
		Nữ	0,95	0,72		
2	Thời gian sử dụng Facebook	Dưới 2 giờ một ngày	0,96	0,88	1,37	0,243
		Từ 2 giờ đến dưới 4 giờ một ngày	0,98	0,75		
		Từ 4 giờ đến dưới 6 giờ một ngày	0,86	0,73		
		Từ 6 giờ đến dưới 8 giờ một ngày	0,96	0,63		
		Từ trên 8 giờ một ngày	1,08	0,76		
3	Nhóm đối tượng liên quan đến COVID-19	F0 (M1)	1,04	0,86	4,53	0,002 M1 > M5 (0,040) M2 > M5 (< 0,001)
		F1 (M2)	1,17	0,77		
		F2 (M3)	1,01	0,66		
		F3 (M4)	1,05	0,65		
		Khác (M5)	0,83	0,68		

Ngoài ra, kết quả cũng cho thấy không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa các nhóm sinh viên thuộc các biến nhân khẩu về giới tính và thời gian sử dụng Facebook trong một ngày ( $p > 0,05$ ). Tức là, dù là sinh viên nam hay sinh viên nữ, sinh viên có thời gian sử dụng mạng xã hội Facebook như thế nào cũng có mức độ stress là tương đương nhau trong thời gian giãn cách xã hội vì COVID-19.

### 3.3. Thực trạng tiếp cận các thông tin liên quan đến đại dịch COVID-19 trên mạng xã hội Facebook của sinh viên

Kết quả khảo sát thực trạng tiếp cận thông tin liên quan đến đại dịch COVID-19 trên mạng xã hội Facebook của sinh viên Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh cho thấy hầu hết sinh viên tự đánh giá mức độ tiếp cận các thông tin liên quan đến COVID-19 ở mức 4 “thường xuyên” với  $M = 3,78$  và  $SD = 0,63$ . Trong đó, mức độ tiếp cận thông tin ở nhóm thông tin thời sự xã hội mở với  $M = 3,79$ ;  $SD = 0,74$ ; Nhóm thông tin hỗ trợ quản lý của Nhà nước với  $M = 3,77$  và  $SD = 0,77$ . Điều này cho thấy, mức độ tiếp cận thông tin về đại dịch COVID-19 trên Facebook của sinh viên ở cả hai nhóm

thông tin này là tương đương nhau. Nghĩa là họ đều thường xuyên được tiếp cận hoặc chủ động tiếp cận, cập nhật các thông tin thời sự xã hội mở, những thông tin hỗ trợ quản lý của nhà nước từ Facebook liên quan đến tình hình dịch bệnh.

Ở nhóm thông tin thời sự mở, hầu hết sinh viên tiếp cận thông tin liên quan đến đại dịch COVID-19 trên mạng xã hội Facebook chủ yếu là “Thông tin về số ca nhiễm virus SARS-CoV-2 hằng ngày” (M = 3,94; SD = 0,91); kế đến là “Thông tin liên quan đến việc tiêm vắc xin phòng COVID-19 theo các nhóm đối tượng ưu tiên” (M = 3,92; SD = 0,96); tiếp theo là “Thông tin về số ca tử vong có liên quan tới virus SARS-CoV-2 hằng ngày” (M = 3,85; SD = 0,97)... Những thông tin được sinh viên đánh giá ở mức tiếp cận thấp hơn gồm: “Thông tin về việc hệ thống y tế quá tải trong giai đoạn dịch bệnh bùng phát mạnh” (M = 3,73; SD = 0,92); “Thông tin liên quan đến việc cung cấp lương thực, thực phẩm thiết yếu trong thời gian cách ly xã hội và kéo dài cách ly xã hội” (M = 3,73; SD = 0,97); tiếp đến là “Thông tin liên quan đến xét nghiệm COVID-19 trên diện rộng” (M = 3,68; SD = 0,97) và cuối cùng là “Thông tin khẩn về việc tìm người đến các địa điểm có F0, lịch trình di chuyển của F0” (M = 3,64; SD = 1,02).

**Bảng 4:** Kết quả số lượng, tỷ lệ, điểm trung bình và độ lệch chuẩn thực trạng sinh viên tiếp cận các thông tin liên quan đến COVID-19 trên Facebook

STT	Các thông tin trên facebook	Mức độ lựa chọn					M	SD
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)		
1	Nhóm thông tin thời sự xã hội mở						3,79	0,74
1.1	Thông tin về số ca nhiễm virus SARS-CoV-2 hằng ngày	9 1,8	16 3,2	125 24,7	198 39,1	158 31,2	3,94	0,91
1.2	Thông tin về số ca tử vong có liên quan tới virus SARS-CoV-2 hằng ngày	8 1,6	35 6,9	131 25,9	182 36,0	150 29,6	3,85	0,97
1.3	Thông tin về số ca nhiễm virus SARS-CoV-2 được chữa khỏi hằng ngày	8 1,6	31 6,1	141 27,9	200 39,5	126 24,9	3,80	0,93
1.4	Thông tin khẩn về việc tìm người đến các địa điểm có F0. Lịch trình di chuyển của F0	9 1,8	65 12,8	139 27,5	179 35,4	114 22,5	3,64	1,02
1.5	Thông tin liên quan đến hiệu quả của vắc xin phòng COVID-19 như tỷ lệ tạo miễn dịch, các biến chứng do tiêm vắc xin v.v.	5 1,0	38 7,5	133 26,3	208 41,1	122 24,1	3,79	0,92
1.6	Thông tin liên quan đến xét nghiệm COVID-19 trên diện rộng	10 2,0	43 8,5	156 30,8	186 36,8	111 21,9	3,68	0,97
1.7	Thông tin liên quan đến các vấn đề sức khỏe hậu COVID-19	6 1,2	33 6,5	137 27,1	206 40,7	124 24,5	3,80	0,92

STT	Các thông tin trên facebook	Mức độ lựa chọn					M	SD
1.8	Thông tin liên quan đến việc cung cấp lương thực, thực phẩm thiết yếu trong thời gian cách ly xã hội và kéo dài cách ly xã hội	14	31	147	198	116	3,73	0,97
		2,8	6,1	29,1	39,1	22,9		
1.9	Thông tin về việc hệ thống y tế quá tải trong giai đoạn dịch bệnh bùng phát mạnh	6	40	145	205	110	3,73	0,92
		1,2	7,9	28,7	40,5	21,7		
1.10	Thông tin liên quan đến việc tiêm vắc-xin phòng COVID-19 theo các nhóm đối tượng ưu tiên	8	31	115	188	164	3,92	0,96
		1,6	6,1	22,7	37,2	32,4		
2	<i>Nhóm thông tin hỗ trợ quản lý của Nhà nước</i>					3,77	0,77	
2.1	Thông tin liên quan đến Chỉ thị 15 của Thủ tướng Chính phủ	5	20	126	210	145	3,92	0,88
		1,0	4,0	24,9	41,5	28,7		
2.2	Thông tin liên quan đến Chỉ thị 16 của Thủ tướng Chính phủ	6	25	124	214	137	3,89	0,90
		1,2	4,9	24,5	42,3	27,1		
2.3	Thông tin liên quan đến Chỉ thị 19 của Thủ tướng Chính phủ	3	31	137	213	122	3,83	0,88
		0,6	6,1	27,1	42,1	24,1		
2.4	Thông tin liên quan đến Chỉ thị 10 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh	9	42	160	191	104	3,67	0,95
		1,8	8,3	31,6	37,7	20,6		
2.5	Thông tin liên quan đến Chỉ thị 18 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh	9	46	157	198	96	3,64	0,94
		1,8	9,1	31,0	39,1	19,0		
2.6	Thông tin liên quan đến Chỉ thị 12 của Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh	10	47	152	202	95	3,64	0,95
		2,0	9,3	30,0	39,9	18,8		
2.7	Thông tin liên quan đến việc thiết lập và bảo vệ “vùng xanh” ở các địa phương	8	42	132	199	125	3,77	0,96
		1,6	8,3	26,1	39,3	24,7		
2.8	Thông tin liên quan đến việc sử dụng giấy đi đường, các app khai báo di chuyển dân cư, khai báo y tế khi di chuyển trong giai đoạn giãn cách xã hội	3	35	134	216	118	3,81	0,89
		0,6	6,9	26,5	42,7	23,3		
<b>Tổng</b>						<b>3,78</b>	<b>0,63</b>	

*Ghi chú: (1): Không bao giờ; (2): Hiếm khi; (3): Thỉnh thoảng; (4): Thường xuyên; (5): Rất thường xuyên.*

Ở nhóm thông tin hỗ trợ quản lý của Nhà nước, hầu hết sinh viên đánh giá mức độ thường xuyên hơn ở các thông tin gồm: “Thông tin liên quan đến Chỉ thị 15 của Thủ tướng Chính phủ bao gồm: không tụ tập quá 10 người tại nơi công cộng, giữ khoảng cách 2m, hạn chế đi lại giữa các địa phương, tạm đình chỉ hoạt động các cơ sở kinh doanh dịch vụ trừ các loại hình dịch vụ thiết yếu” (M = 3,92; SD = 0,88); xếp thứ hai là “Thông tin liên quan đến Chỉ thị 16 của Thủ tướng Chính phủ bao gồm: cách ly toàn xã hội, không tụ tập quá 2 người tại nơi công cộng, giữ khoảng cách 2m, dừng các hoạt động đi lại giữa các địa phương

trừ trường hợp cần thiết, tạm đình chỉ hoạt động các cơ sở kinh doanh dịch vụ trừ các loại hình dịch vụ thiết yếu” (M = 3,89; SD = 0,90); xếp thứ ba là “Thông tin liên quan đến Chỉ thị 19 của Thủ tướng Chính phủ bao gồm: không tập trung quá đông người tại nơi công cộng, dừng các hoạt động lễ hội, nghi lễ tôn giáo, sự kiện thể thao, giữ khoảng cách tối thiểu 1m, tạm đình chỉ hoạt động các cơ sở dịch vụ giải trí, karaoke, massage, bar, vũ trường, cơ sở làm đẹp” (M = 3,83; SD = 0,88)... Các thông tin được sinh viên đánh giá ở mức thấp hơn gồm: “Thông tin liên quan đến Chỉ thị 10 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bao gồm: không tụ tập quá 3 người tại nơi công cộng, giữ khoảng cách tối thiểu 1,5m; dừng các loại hình kinh doanh không thiết yếu và các chợ tự phát; dừng các hoạt động vận chuyển hành khách công cộng” (M = 3,67; SD = 0,95); cuối cùng là “Thông tin liên quan đến Chỉ thị 18 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bao gồm: cho phép mở cửa có điều kiện các loại hình kinh doanh dịch vụ, sử dụng mã QR để khai báo di chuyển nội địa, từng bước phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội...” (M = 3,64; SD = 0,94) và “Thông tin liên quan đến Chỉ thị 12 của Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh bao gồm: Phong tỏa, kiểm chế tốc độ lây lan của dịch; giữ vững, mở rộng vùng an toàn và kiểm soát sự lây lan vùng nguy cơ cao bằng cách “người cách ly với người, gia đình cách ly với gia đình”, siết chặt các chốt, trạm tại các cửa ngõ ra vào Thành phố Hồ Chí Minh” (M = 3,64; SD = 0,95).

### **3.4. Dự báo sự thay đổi mức độ stress của sinh viên khi tiếp cận các thông tin liên quan đến đại dịch COVID-19 trên mạng xã hội Facebook**

Kết quả phân tích tương quan và hồi quy bậc nhất giữa việc tiếp cận thông tin trên mạng xã hội Facebook và mức độ stress của sinh viên (bảng 5) đã cho thấy cả 2 nhóm thông tin: thời sự xã hội mở; hỗ trợ quản lý của Nhà nước và thông tin chung đều có tương quan thuận chiều với mức độ stress của sinh viên với hệ số tương quan r lần lượt là 0,54\*\*; 0,39\*\* và 0,55\*\*. Tức là khi sinh viên càng thường xuyên tiếp cận các thông tin trên mạng xã hội Facebook về đại dịch COVID-19 (cả nhóm thông tin thời sự xã hội mở và nhóm thông tin hỗ trợ quản lý Nhà nước) thì mức độ stress của sinh viên cũng có xu hướng gia tăng.

**Bảng 5:** Kết quả hệ số tương quan và hồi quy bậc nhất giữa việc tiếp cận thông tin liên quan đến đại dịch COVID-19 trên mạng xã hội Facebook và mức độ stress của sinh viên

STT	Biến tác động	Biến phụ thuộc (Stress)	
		Hệ số tương quan r	R <sup>2</sup>
1	Nhóm thông tin thời sự xã hội mở	0,54**	0,293***
2	Nhóm thông tin hỗ trợ quản lý của Nhà nước	0,39**	0,149***
3	Thông tin chung	0,55**	0,304***

Ghi chú: \*\*:  $p < 0,01$ ; \*\*\*:  $p < 0,001$ .

Trong 2 nhóm thông tin thì “Nhóm thông tin thời sự xã hội mở” là biến số tác động mạnh nhất, giải thích được 29,3% những thay đổi trong biểu hiện về mức độ stress của sinh viên. Biến tác động “Nhóm thông tin hỗ trợ quản lý Nhà nước” thì giải thích được 14,9% những thay đổi trong biểu hiện mức độ về stress của sinh viên. Tuy nhiên trên thực tế, khó có trường hợp chỉ có một biến tác động độc lập đến mức độ stress của sinh viên mà không bị các biến khác gây rối nhiễu. Vì vậy, phép phân tích hồi quy bội stepwise (đưa dần vào các biến tác động và loại dần ra những biến không còn ý nghĩa tác động) đã được chúng tôi sử dụng để phát hiện các mô hình hồi quy tối ưu và sát thực tế hơn. Toàn bộ 2 nhóm yếu tố ảnh hưởng đến mức độ stress của sinh viên Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh được đưa vào phân tích hồi quy bội với mối tương quan cao nhất giữa các biến tác động này có giá trị bằng 0,54.

**Bảng 6:** Mô hình dự báo sự thay đổi mức độ stress của sinh viên khi thay đổi mức độ tiếp cận các thông tin liên quan đến đại dịch COVID-19 trên mạng xã hội Facebook

Hai mô hình dự báo sự thay đổi mức độ stress của sinh viên		Beta	Mức ý nghĩa (p)
<i>Mô hình 1: <math>R^2 = 0,293</math>; hằng số = -1,07; <math>F = 209,99^{***}</math></i>			
1	Nhóm thông tin thời sự xã hội mở	0,54	< 0,001
<i>Mô hình 2: <math>R^2 = 0,325</math>; hằng số = -1,48; <math>F = 122,60^{***}</math></i>			
1	Nhóm thông tin thời sự xã hội mở	0,46	< 0,001
2	Nhóm thông tin hỗ trợ quản lý của Nhà nước	0,20	< 0,001

*Chú thích: Biến phụ thuộc: Mức độ stress của sinh viên; Biến tác động: Nhóm thông tin thời sự xã hội mở; Nhóm thông tin hỗ trợ quản lý của Nhà nước. Mô hình 1: Nhóm thông tin thời sự xã hội mở; Mô hình 2: Nhóm thông tin thời sự xã hội mở; Nhóm thông tin hỗ trợ quản lý của Nhà nước.*

Kết quả phân tích hồi quy bội stepwise (bảng 6) cho thấy có 2 mô hình dự báo tối ưu. Trong đó, mô hình giải thích được ít hơn sự thay đổi mức độ stress của sinh viên Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh là mô hình 1 (Nhóm thông tin thời sự xã hội mở) giải thích được 29,3% những thay đổi về mức độ stress của sinh viên. Mô hình giải thích được nhiều hơn sự thay đổi mức độ stress của sinh viên Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh là mô hình 2 (Nhóm thông tin thời sự xã hội mở; Nhóm thông tin hỗ trợ quản lý của Nhà nước) giải thích được 32,5% những thay đổi về mức độ stress của sinh viên.

Trong mô hình này, việc tiếp cận “Nhóm thông tin thời sự xã hội mở” của sinh viên là biến có tác động mạnh hơn (Beta = 0,461) và “Nhóm thông tin hỗ trợ quản lý của Nhà nước” là biến có tác động yếu hơn (Beta = 0,201) tới mức độ stress của sinh viên Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố

Hồ Chí Minh. Với phép phân tích hồi quy bội có thể thấy rằng, khi cả 2 biến tác động được lựa chọn để đưa vào xử lý thì tác động của 2 yếu tố “Nhóm thông tin thời sự xã hội mở” và “Nhóm thông tin hỗ trợ quản lý của Nhà nước” đều có ý nghĩa thống kê.

Kết quả này cũng có nét tương đồng với kết quả nghiên cứu của nhóm tác giả Nan Zhao và Guangyu Zhou (2020) khi cùng chỉ ra những ảnh hưởng tiêu cực của mạng xã hội đến sức khỏe tinh thần của sinh viên. Nhóm tác giả Nan Zhao và Guangyu Zhou (2020) đã điều tra mối liên hệ của việc sử dụng phương tiện truyền thông xã hội liên quan đến COVID-19 với kết quả sức khỏe tâm thần trên mẫu khảo sát gồm 512 sinh viên đại học ở Trung Quốc. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng mức độ sử dụng mạng xã hội càng cao thì các vấn đề có liên quan đến sức khỏe tâm thần càng tăng lên (tức là làm gia tăng mức độ gặp phải các vấn đề về sức khỏe tâm thần ở mức đáng báo động). Kết quả nghiên cứu này cũng phát hiện thấy các tác nhân gây căng thẳng do thiên tai, bệnh hoạn là một yếu tố nguy cơ làm tăng tác động có hại của việc sử dụng mạng xã hội đối với bệnh trầm cảm. Ngoài ra, việc tiếp xúc nhiều hơn với tin tức thiên tai có liên quan trên mạng xã hội có thể gây ra ảnh hưởng tiêu cực. Từ đó góp phần gây ra các vấn đề sức khỏe tâm thần. Do vậy, các mô hình can thiệp trong tương lai để cải thiện sức khỏe tâm thần nên xem xét cả tác nhân gây ra các ảnh hưởng tiêu cực.

Một nghiên cứu khác của nhóm tác giả Zhiying Yue, Renwen Zhang, Jun Xiao (2021) cũng cho thấy mức độ căng thẳng tỷ lệ thuận với mức độ thường xuyên sử dụng mạng xã hội. Nghiên cứu của nhóm tác giả này về việc sử dụng phương tiện truyền thông xã hội thụ động và sức khỏe tâm lý trong đại dịch COVID-19 cũng cho thấy kết quả tương tự về các mối quan hệ giữa việc sử dụng phương tiện truyền thông xã hội thụ động và cảm xúc của cá nhân. Nghiên cứu này dựa trên một cuộc khảo sát với 1.131 người dân ở Vũ Hán, Trung Quốc. Kết quả chỉ ra rằng việc sử dụng phương tiện truyền thông xã hội thụ động có liên quan mật thiết đến mức độ điều tiết cảm xúc của người dùng. Đồng thời, nghiên cứu này cũng cho biết những người bị cách ly có xu hướng căng thẳng nhiều hơn. Mức độ căng thẳng tỷ lệ thuận với mức độ thường xuyên sử dụng mạng xã hội.

#### **4. Kết luận**

Kết quả nghiên cứu đã cho thấy, trong 506 sinh viên tự nguyện tham gia trả lời trắc nghiệm đánh giá mức độ stress: có 73,3% số sinh viên đạt điểm ở mức bình thường; 26,7% số sinh viên đạt điểm đánh giá stress từ mức độ nhẹ tới rất nặng. Trong đó, phần lớn ở mức độ stress nhẹ và vừa (21,9%), chỉ có 4,8% số sinh viên ở mức độ stress nặng và rất nặng. Kết quả cũng cho thấy hầu hết sinh viên thường xuyên tiếp cận thông tin liên quan đến COVID-19 trên mạng xã hội Facebook. Bên cạnh đó kết quả cũng chỉ ra có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa các nhóm đối tượng liên quan đến COVID-19 về mức độ stress của sinh viên và không có

sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa các nhóm sinh viên khi xét theo giới tính và thời gian sử dụng Facebook trong một ngày.

Phân tích tương quan và hồi quy cho thấy việc sinh viên thường xuyên tiếp cận thông tin liên quan đến đại dịch COVID-19 trên mạng xã hội Facebook có ảnh hưởng đáng kể đến mức độ stress của sinh viên. Có nghĩa là việc sinh viên tiếp cận thông tin liên quan đến đại dịch COVID-19 trên mạng xã hội Facebook có mối tương quan thuận và khá chặt chẽ với mức độ stress của sinh viên. Việc tiếp cận thông tin liên quan đến đại dịch COVID-19 trên mạng xã hội Facebook của sinh viên Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hồ Chí Minh trong giai đoạn giãn cách xã hội từ tháng 5 đến tháng 10 năm 2021 có thể làm gia tăng mức độ stress của sinh viên. Kết quả này cũng tương đồng với một số nghiên cứu khác trên thế giới. Để giảm mức độ stress trong bối cảnh dịch bệnh chưa được kiểm soát hoàn toàn, sinh viên cần điều chỉnh cách tiếp cận thông tin trên mạng xã hội Facebook để thu nạp thông tin liên quan đến dịch bệnh nói riêng và các thông tin tương tự khác một cách có hiệu quả.

Mặc dù đã chỉ ra được một số kết quả thực tiễn như đã trình bày ở trên, nhưng nghiên cứu này cũng có hạn chế. Cụ thể, do thời gian khảo sát khá dài và sử dụng thiết kế hồi cứu nên thông tin thu thập được từ khách thể có thể bị ảnh hưởng.

#### **Ghi chú:**

**Lời cảm ơn:** Đề tài được thực hiện bằng nguồn kinh phí hỗ trợ từ Chương trình Vườn ươm Sáng tạo Khoa học và Công nghệ Trẻ, được quản lý bởi Trung tâm Phát triển Khoa học và Công nghệ Trẻ - Thành Đoàn Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Khoa học và Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng số “36/2021/HĐ-KHCNT-VU” ký ngày 08 tháng 12 năm 2021.

#### **Tài liệu tham khảo**

##### ***Tài liệu tiếng Việt***

1. Phạm Huy Kỳ, Đỗ Thị Thu Hằng (đồng chủ biên, 2019). *Mạng xã hội trong bối cảnh phát triển xã hội thông tin ở Việt Nam - Lý luận, thực tiễn và kinh nghiệm*. NXB Lao động.
2. Lê Hoàng Việt Lâm và Nguyễn Phước Thạnh (2020). *Văn minh đô thị Việt Nam nhìn từ thái độ, hành vi ứng xử của người sử dụng mạng xã hội trước những thông tin liên quan đến COVID-19*. Tạp chí Khoa học Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh. Số 15 (6). Tr. 119 - 127.
3. Nguyễn Thanh Thảo, Lê Thị Thanh Xuân, Nguyễn Huy Hoàng, Trần Thị Thùy Linh, Nguyễn Thị Vinh, Phạm Thị Quân, Tạ Thị Kim Nhung và Nguyễn Thị Quỳnh (2021). *Tác động của đại dịch COVID-19 đến sức khỏe tâm thần của nhân viên y tế tại một số bệnh viện tuyến Trung ương năm 2020*. Tạp chí Nghiên cứu Y học. Số 144 (8). Tr. 361 - 369.

## Tài liệu tiếng Anh

4. Araz Ramazan Ahmad, Hersh Rasool Murad (2020). *The impact of social media on panic during the COVID-19 Pandemic in Iraqi Kurdistan: Online questionnaire study*. Journal of Medical Internet Research. Vol. 22 (5): e19556. P. 1 - 11. DOI: 10.2196/19556.
5. Debanjan Banerjee and Sathyanarayana Rao (2020). *Psychology of misinformation and the media: Insights from the COVID-19 Pandemic*. Indian Journal of Social Psychiatry. Vol. 36 (5). P. 131 - 137. DOI: 10.4103/ijsp.ijsp\_112\_20.
6. Hongfei Liu, Wentong Liu, Vignesh Yoganathan, Victoria-Sophie Osburg (2021). *COVID-19 information overload and generation Z's social media discontinuance intention during the pandemic lockdown*. Technological Forecasting & Social Change. Vol. 166 (2021). P. 1 - 12. e120600.
7. Livibond S.H. and Lovibond P.E. (1995). *Manual for the depression anxiety stress scales (2<sup>nd</sup> ed)*. Sydney: Psychology Foundation of Australia.
8. Nan Zhao and Guangyu Zhou (2020). *Social media use and Mental Health during the COVID-19 Pandemic: Moderator role of disaster stressor and mediator role of negative affect*. Applied Psychology: Health and Well-Being. Vol. 12 (4). P. 1.019 - 1.038. DOI: 10.1111/aphw.12226.
9. Souvik Dubey, Payel Biswas, Ritwik Ghosh. Subhankar Chatterjee, Mahua Jana Dubey, Subham Chatterjee Durjoy Lahiri and Carl J. Lavie (2020). *Psychosocial impact of COVID-19*. Diabetes & Metabolic Syndrome: Clinical Research & Reviews. Vol. 14 (2020). P. 779 - 788.
10. Tran T.D., Tran T., Fisher J. (2013). *Validation of the depression anxiety stress scales (DASS) 21 as a screening instrument for depression and anxiety in a rural community - based cohort of northern Vietnamese women*. BMC Psychiatry. Vol. 13. No. 24. P. 24 - 30. DOI: 10.1186/1471-244X-13-24.
11. Wei Hong, Ru-De Liu, Yi Ding, Xinchun Fu, Rui Zhen and Xiaotian Sheng (2021). *Social media exposure and College Students' mental health during the outbreak of COVID-19: The mediating role of rumination and the moderating role of mindfulness*. Cyberpsychology, Behavior, and Social Networking. Vol. 24. No. 4. P. 282 - 287. DOI: 10.1089/cyber.2020.038.
12. Xuefang Xiea, Zhipeng Zang, José M. Ponzoa (2020). *The information impact of network media, the psychological reaction to the COVID-19 pandemic and online knowledge acquisition: Evidence from Chinese college students*. Journal of Innovation & Knowledge. Vol. 5 (2020). P. 297 - 305.
13. Zhiying Yue, Renwen Zhang, Jun Xiao (2021). *Passive social media use and psychological well-being during the COVID-19 Pandemic: The role of social comparison and emotion regulation*. Computers in Human Behavior. Vol. 127 (2022). P. 1 - 8. DOI: 10.1016/j.chb.2021.107050.